

Mẫu số 12, PL IV
của ND số 187/2025

An Giang, ngày 12 tháng 10 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ đãi ngộ, khen thưởng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức

1. Đối với văn bản mới ban hành

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam; Nghị quyết số 260/NQ-TT của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chi tiết và nội dung giao tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC và một số mức chi trong lĩnh vực thể thao.

Để đảm bảo tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật, quyền lợi của huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chế độ đãi ngộ, khen thưởng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức thay thế cho các Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 07/10/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành chính sách ưu đãi đối với vận động thể thao đạt thành tích cao tỉnh An Giang; Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết 39/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang và bổ sung một số đối với vận động viên, huấn luyện viên và Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1. Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu. 2. Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.	Nghị quyết quy định chế độ đãi ngộ, khen thưởng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức	Khoản 2 Điều 21 quy định: “<i>Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương</i>”. Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam: Khoản 1 Điều 7 quy định: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức để thực hiện cho phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực tế và tính chất của từng giải</i>”.
1. Điều 1 Nghị định số 349/2205/NĐ-CP của Chính phủ. 2. Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh a) Mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức	Nội dung về phạm vi điều chỉnh được xây dựng nhằm cụ thể hóa các quy định được giao tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu và khoản 1 Điều 7 Thông tư số

Điều. 1 Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh. 1. Phạm vi áp dụng Quy định này quy định về chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trong tỉnh, khu vực, quốc gia và quốc tế theo Điểm a, b, c, d Khoản 1, Điều 1 của Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Nghị quyết 39/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, bao gồm: 1. Các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; giải thi đấu thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới trong hệ thống thi đấu quốc tế của từng môn thể	các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam. b) Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã, Hội thi, Hội thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp xã, các giải thi đấu thể thao cấp xã; Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc; Hỗ trợ đối với giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.	117/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam. c) Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản 1. Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn bản. 2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản. 3. Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì phải nêu đầy đủ trong phần quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.”
--	--	---

thao tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu thể thao Việt Nam mở rộng do Việt Nam tổ chức có mời nước ngoài tham dự; giải thi đấu thể thao quốc tế tổ chức tại Việt Nam.

2. Các giải thi đấu thể thao của Hội khỏ Phù Đổng cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc; Đại hội thể dục thể thao, giải thi đấu thể thao từng môn thể thao, hội thi thể thao quần chúng, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật do sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức.

4. Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang tập trung tập huấn, thi đấu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 86/2020/TT-

BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
1. Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 07/10/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Điều 1: Đối tượng: Là vận động viên các môn thể thao năng khiếu thuộc quyền quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Điều. 1 Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh. 2. Đối tượng áp dụng a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các Tiểu ban chuyên môn của đại hội, hội thi, hội thao và từng giải thi đấu thể thao; b) Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu; c) Vận động viên, huấn luyện viên;	Điều 2. Đối tượng áp dụng a) Thành viên đội thể thao gồm: Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia; đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển ngành cấp tỉnh, đội tuyển cấp xã. b) Thành viên tổ chức giải gồm: Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đồng; Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu, Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu, thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá, futsal, Vận động viên, huấn luyện viên, người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ, công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác được xác định trong kế hoạch thi đấu. c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này. d) Xã, phường, đặc khu được gọi chung là cấp xã. đ) Giải thi đấu thể thao quốc gia bao gồm: giải toàn quốc.	Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam và bổ sung mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã, Hội thi, Hội thao, Hội khỏe Phù Đồng cấp xã, các giải thi đấu thể thao cấp xã; Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc; Hỗ trợ đối với giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh. Đồng thời kế thừa, rà soát các nhóm đối tượng đã được quy định tại các nghị quyết trước đây của tỉnh An Giang và tham khảo thực tiễn quy định tại Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND. Trên cơ sở đó, dự thảo hệ thống hóa và xác định cụ thể các nhóm đối tượng phù hợp với thực tế tổ chức hoạt động thể thao hiện nay, bảo đảm đúng đối tượng, thống nhất trong thực hiện chính sách và làm cơ sở cho việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí.

d) Công an, y tế, bảo vệ, phiên dịch, nhân viên phục vụ tại các giải thể thao

đ) Đối tượng tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ.

3. Nghị quyết 39/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù đồng, Hội thi thể thao.

2. Thành viên Ban Tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu.

3. Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu.

4. Vận động viên, huấn luyện viên.

5. Lực lượng công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác có liên quan tại các địa điểm thi đấu.

4. Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

2. Đối tượng áp dụng: Huấn luyện viên, vận động viên tập trung tập huấn và thi đấu tại: a) Đội tuyển năng khiếu tỉnh; b) Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố; c) Đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố.		
- Điều 7 Nghị định số 349/2205/NĐ-CP quy định chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên xuất sắc lập thành tích xuất sắc tại các giải Olympic Games, ASIAD, Paralympic Games.	Điều 3. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên 1. Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia a) Kiện tướng: 2.000.000 đồng/người/tháng. b) Cấp I quốc gia: 1.000.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đẳng cấp quốc gia là 12 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền công nhận đẳng cấp. Trường hợp vận động viên bị kỷ luật thì không được hưởng chế độ trên kể từ thời điểm bị kỷ luật. 2. Hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng đối với huấn luyện viên, vận động viên được Cục Thể dục thể thao Việt Nam tập trung vào đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia bằng 30% mức chi tiền lương tập trung, tập huấn tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định 349/2025/NĐ-CP. Thời gian hưởng chế độ được thực hiện theo thời gian tập trung trong Quyết định của Cục Thể dục thể thao Việt Nam. 3. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng	- Việc quy định chế độ đãi ngộ đặc thù tại Điều 4 nhằm ghi nhận, khuyến khích và tạo động lực cho huấn luyện viên, vận động viên có thành tích chuyên môn cao, đồng thời góp phần giữ chân và phát triển lực lượng thể thao thành tích cao của tỉnh. - Đối với vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia, việc hỗ trợ theo mức Kiện tướng và Cấp I quốc gia nhằm khuyến khích vận động viên phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, duy trì thành tích và đóng góp cho thể thao tỉnh. - Đối với huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia, mức hỗ trợ hàng tháng nhằm bù đắp một phần chi phí, tạo điều kiện để vận động viên, huấn luyện viên yên tâm tập trung huấn luyện, thi đấu và nâng cao thành tích, đồng thời thể hiện sự quan tâm, động viên của tỉnh đối với những cá nhân được tuyển chọn vào các đội tuyển quốc gia.

	các chế độ hỗ trợ, khuyến khích tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.	- Đối với thể thao người khuyết tật, việc áp dụng chế độ tương ứng nhằm bảo đảm sự quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện để vận động viên, huấn luyện viên người khuyết tật phát triển, thi đấu và đạt thành tích cao. Đồng thời, cơ quan soạn thảo đã tham khảo một số tỉnh lân cận như sau: - Vĩnh Long: 2.000.000 đồng/kiện tướng; - Cà Mau: + Đội tuyển quốc gia: 6.000.000 đồng/người/tháng. + Đội tuyển trẻ quốc gia: 5.400.000 đồng/người/tháng. - Đồng Tháp: + Đội tuyển quốc gia: 5.000.000 đồng/người/tháng. + Đội tuyển trẻ quốc gia: 4.000.000 đồng/người/tháng. - Cần Thơ: + Đội tuyển quốc gia: 5.100.000 đồng/người/tháng. + Đội tuyển trẻ quốc gia: 3.900.000 đồng/người/tháng.
6. Chế độ thực phẩm chức năng: Vận động viên quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này được hưởng chế độ thực phẩm chức năng trong thời gian tập trung tập	Điều 4. Chế độ thực phẩm chức năng Vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh được hỗ trợ thực phẩm chức năng 500.000 đồng/vận động viên/tháng.	Việc quy định thực phẩm chức năng đối với vận động viên trẻ, đội tuyển tỉnh là phù hợp với đặc thù phát triển thể thao thành tích cao của địa phương, tập trung hỗ trợ nhóm vận động viên có khả năng đạt thành tích cao tại

huấn, thi đấu. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ thực phẩm chức năng theo tính chất đặc thù của từng môn thể thao đối với vận động viên được triệu tập vào các đội tuyển thể thao quốc gia và có khả năng giành huy chương tại ASIAD, tham dự vòng loại và tham dự Olympic Games, tham dự Paralympic Games. - Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định: “Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.		các giải đấu quan trọng trong nước. Đồng thời, cơ quan soạn thảo đã tham khảo một số tỉnh lân cận như sau: - Tỉnh Đồng Tháp hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng.
Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 07/10/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.	Điều 5. Chính sách ưu đãi đối với vận động viên thể thao đạt thành tích cao Vận động viên các môn thể thao đang thuộc quyền quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao chia thành các đối tượng như sau: 1. Đối tượng 1: a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các	Tiếp thu, kế thừa quy định tại Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 07/10/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Điểm g, điểm h Điều 32 Luật Thể dục thể thao quy định: g) Vận động viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế được hưởng chế độ ưu đãi về đào tạo, bồi

thành tích sau:

- Đạt huy chương Đại hội thể thao thế giới (Olympic Games);
- Đạt hai huy chương vàng giải vô địch thế giới (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).
- Đạt hai huy chương vàng ASIAD (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).
- Đạt một huy chương vàng ASIAD + hai huy chương vàng SEA Games.
- Đạt một huy chương vàng giải vô địch thế giới + một huy chương vàng Châu Á (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic) + hai huy chương vàng SEA Games.

b) Chế độ ưu đãi:

- Thưởng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).
- Quy hoạch đào tạo, trợ cấp 100% học phí học Đại học thể dục thể thao và sau Đại học (chính quy hoặc vừa làm vừa học).
- Ưu tiên bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao. Trường hợp không theo ngành thể dục thể thao, nếu có nguyện vọng sẽ được giới thiệu công tác ở ngành khác.

2. Đối tượng 2:

a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các thành tích sau:

- Đạt hai huy chương vàng ASIAD (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic Games).
- Đạt hai huy chương vàng giải vô địch thế giới (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic Games)

đưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chăm sóc sức khỏe, tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định của pháp luật;

h) Vận động viên không còn khả năng thi đấu thể thao được Nhà nước tạo điều kiện học nghề và giải quyết việc làm theo quy định của pháp luật; được ưu tiên tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở thể thao;

+ một huy chương vàng SEA Games.

- Đạt ba huy chương vàng SEA Games.

- Đạt một huy chương vàng giải vô địch thể giới (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic) + hai huy chương vàng SEA Games.

- Đạt hai huy chương vàng SEA Games + hai huy chương vàng giải vô địch Đông Nam Á (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic).

- Đạt một huy chương bạc giải vô địch thể giới (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games) + hai huy chương vàng SEA Games.

- Đạt một huy chương bạc Châu Á + hai huy chương vàng SEA Games + một huy chương vàng vô địch Đông Nam Á.

b) Chế độ ưu đãi:

- Thưởng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Quy hoạch đào tạo, trợ cấp 100% học phí học Đại học thể dục thể thao và sau Đại học (chính quy hoặc vừa làm vừa học).

- Ưu tiên bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao. Trường hợp không theo ngành thể dục thể thao, nếu có nguyện vọng sẽ được giới thiệu công tác ở ngành khác.

3. Đối tượng 3:

a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các thành tích sau:

- Đạt huy chương bạc, huy chương đồng các giải vô địch thể giới (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).

- Đạt huy chương bạc hoặc huy chương đồng ASIAD hoặc một huy chương vàng giải vô địch Châu Á (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).

- Đạt hai huy chương vàng SEA Games.

- Đạt huy chương bạc hoặc huy chương đồng các giải vô địch thế giới (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic Games) + một huy chương vàng SEA Games.

- Đạt một huy chương bạc ASIAD hoặc huy chương đồng ASIAD hoặc vô địch Châu Á (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic) + một huy chương vàng SEA Games.

- Đạt hai huy chương bạc SEA Games + hai huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao toàn quốc + hai huy chương vàng giải vô địch quốc gia.

b) Chế độ ưu đãi:

- Thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Quy hoạch đào tạo, trợ cấp 100% học phí đại học thể dục thể thao (chính quy hoặc vừa làm vừa học).

- Ưu tiên bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao. Trường hợp không theo ngành thể dục thể thao, nếu có nguyện vọng sẽ được giới thiệu công tác ở ngành khác.

4. Đối tượng 4:

a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các thành tích sau:

- Đạt một huy chương bạc hoặc một huy chương đồng SEA Games.

- Đạt huy chương vàng đại hội thể dục thể thao toàn

	quốc. - Đạt ba huy chương vàng giải vô địch quốc gia. b) Chế độ ưu đãi: - Vận động viên trong diện quy hoạch đào tạo được trợ cấp 100% học phí học đại học thể dục thể thao (chính quy hoặc vừa làm vừa học). - Vận động viên trong diện quy hoạch đào tạo sẽ được bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao.	
- Điều 8 Nghị định số 349/2205/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ. - Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định: “Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.	Điều 6. Mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên nữ Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ bằng 50% mức tại Điều 8 Nghị định 349/2025/NĐ-CP.	Nghị định 349 đã quy định chế độ đối với thành viên đội thể thao nhưng chưa quy định cụ thể đối với đội tuyển năng khiếu của địa phương. Trong khi đó, khoản 2 Điều 21 giao HĐND, UBND cấp tỉnh căn cứ thẩm quyền, pháp luật ngân sách và khả năng cân đối ngân sách để ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý. Vì vậy, tỉnh quy định bổ sung chế độ cho đội năng khiếu nhằm bảo đảm chính sách đào tạo lực lượng kế cận, tạo nguồn vận động viên cho đội tuyển tỉnh bằng 50% mức tại Điều 8 Nghị định 349/2025/NĐ-CP.
- Điều 17, 18 Nghị định số 349/2205/NĐ-CP của Chính phủ. - Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định:	Điều 7. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế Ngoài mức thưởng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại Điều 17, 18 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định về mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu

“Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.	thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, tỉnh thưởng thêm bằng 50% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao quốc tế quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.	thể thao quốc tế do Cục Thể dục thể thao chi khen thưởng. Do đó, khi vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh An Giang chưa có chính sách khen thưởng đãi ngộ đặc thù để khen thưởng thêm, nhằm khích lệ, biểu dương những thành tích xuất sắc, động viên, hỗ trợ vận động viên, huấn luyện viên an tâm tập luyện, thi đấu và cống hiến, để thu hút và giữ chân nhân tài thể thao đóng góp cho sự nghiệp thể thao của tỉnh nhà. Đề xuất được thưởng thêm bằng 50% mức thưởng theo quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế.
	Điều 8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thể thao tại giải đấu cấp khu vực, vùng, miền 1. Các môn cá nhân: a) Huy chương vàng: 800.000 đồng; b) Huy chương bạc: 600.000 đồng; c) Huy chương đồng: 400.000 đồng. 2. Các môn thi đấu đôi: a) Huy chương vàng: 1.200.000 đồng; b) Huy chương bạc: 1.000.000 đồng;	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang. Tuy nhiên, đối với nội dung Quyết định này chưa được giao quy định đối với khen thưởng đối với các giải đấu của khu vực, vùng, miền. Do đó, Sở Văn hóa và Thể thao đề xuất việc chi Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thể thao tại giải

	c) Huy chương đồng: 800.000 đồng. 3. Các môn thi đấu đồng đội: a) Huy chương vàng: 2.000.000 đồng; b) Huy chương bạc: 1.600.000 đồng; c) Huy chương đồng: 1.200.000 đồng. 4. Các môn thi đấu tập thể: a) Huy chương vàng: 8.000.000 đồng; b) Huy chương bạc: 6.000.000 đồng; c) Huy chương đồng: 4.000.000 đồng. 5. Môn bóng đá 11 người: a) Huy chương vàng: 20.000.000 đồng; b) Huy chương bạc: 14.000.000 đồng; c) Huy chương đồng: 10.000.000 đồng. 6. Đối với môn đua thuyền có số lượng từ 10 đến 20 vận động viên theo điều lệ giải: - Huy chương vàng: 30.000.000 đồng. - Huy chương bạc: 20.000.000 đồng. - Huy chương đồng: 15.000.000 đồng. - Khuyến khích: 5.000.000 đồng. 7. Mức thưởng đối với huấn luyện viên lập thành tích tại môn thi đấu tập thể, môn thi đấu đồng đội được quy định như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến	đấu chính thức của khu vực, vùng, miền tại Nghị quyết này để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý thuộc lĩnh vực thể dục thể thao trong thời gian tới.
--	--	---

	08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.	
Kế thừa Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang	Điều 9. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã, Hội thi, Hội thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp xã, các giải thi đấu thể thao cấp xã 1. Vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã mức thưởng được quy định như sau: - Huy chương vàng: 300.000 đồng. - Huy chương bạc: 200.000 đồng. - Huy chương đồng: 150.000 đồng. 2. Vận động viên đạt thành tích tại Hội thi, Hội thao cấp xã, các giải vô địch xã, mức thưởng được quy định như sau: a) Các nội dung cá nhân: - Huy chương vàng: 300.000 đồng. - Huy chương bạc: 200.000 đồng. - Huy chương đồng: 150.000 đồng. b) Các nội dung thi đấu đôi: - Huy chương vàng: 450.000 đồng.	Tại điểm b, khoản 1 Điều 20 Nghị định 349/2025/NĐ-CP quy định “...b) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chi trả tiền lương quy định tại Điều 4, chế độ dinh dưỡng quy định tại Điều 5, chế độ đặc thù quy định tại Điều 7, Điều 8, chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương quy định tại Điều 9, học phí quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này, tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài, chi phí khám, chữa bệnh, tai nạn, tiền trợ cấp và tiền bồi thường theo quy định cho thành viên đội thể thao thuộc bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý; quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật”.

	- Huy chương bạc: 350.000 đồng. - Huy chương đồng: 300.000 đồng. c) Các nội dung thi đấu đồng đội: - Huy chương vàng: 800.000 đồng. - Huy chương bạc: 600.000 đồng. - Huy chương đồng: 500.000 đồng. d) Các môn thi đấu tập thể: - Huy chương vàng: 5.000.000 đồng. - Huy chương bạc: 3.000.000 đồng. - Huy chương đồng: 2.000.000 đồng. g) Đối với môn đua thuyền, đua ghe ngo nhỏ có số lượng từ 10 đến 20 vận động viên theo điều lệ giải: - Huy chương vàng: 15.000.000 đồng. - Huy chương bạc: 10.000.000 đồng. - Huy chương đồng: 5.000.000 đồng. - Khuyến khích: 3.000.000 đồng. h) Đối với môn Đua bò đạt thành tích tại giải thi đấu, hội thi cấp xã mức thưởng quy định như sau: - Huy chương vàng: 10.000.000 đồng. - Huy chương bạc: 8.000.000 đồng. - Huy chương đồng: 4.000.000 đồng. - Khuyến khích: 2.000.000 đồng. 3. Vận động viên lập thành tích tại các Hội khỏe Phù	Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang. Tuy nhiên, đối với nội dung Quyết định này chưa được giao quy định đối với khen thưởng đối với các giải đấu của cấp xã. Do đó, Sở Văn hóa và Thể thao đề xuất việc chi Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thể thao tại giải đấu chính thức cấp xã tại Nghị quyết này để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý thuộc lĩnh vực thể dục thể thao trong thời gian tới.
--	--	---

	Đồng cấp xã, Giải trẻ cấp xã được hưởng bằng 75% các môn quy định tại khoản 2 của Nghị quyết này.	
	Điều 10. Hỗ trợ đối với giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh	Hiện nay, Sở Văn hóa và Thể thao đang áp dụng Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang. Tuy nhiên tại quyết định trên chỉ dự thảo mức thưởng đối với giải đua ghe ngo, đua bò. Không quy định mức hỗ trợ. Do đó, Sở Văn hóa và Thể thao đề xuất việc chi mức hỗ trợ đối với giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh đối với môn đua bò, đua ghe ngo để đảm bảo hoàn thiện hệ thống văn bản lĩnh vực, thể dục thể thao trong thời gian tới. Quy định để hỗ trợ các môn thể thao có tính đặc thù, chi phí tham gia cao và khó áp dụng theo cách hỗ trợ thông thường. Ghe ngo, đua thuyền có số lượng vận động viên lớn, phương tiện thi đấu công kênh, chi phí vận chuyển cao; còn đua bò có chi phí chăm sóc, chuẩn bị và vận chuyển bò. Vì vậy, tỉnh quy định hỗ trợ theo đầu ghe, thuyền và đôi bò để giảm một phần chi phí, khuyến khích duy trì các môn thể thao đặc thù và thu hút các đội tham gia giải cấp tỉnh, cấp xã.

Nghị quyết 39/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.	Điều 11. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao 1. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại Đối với các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết này: Thời gian thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu. Mức chi cụ thể như sau: a) Tiền ăn đối với giải cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày; giải cấp xã 165.000 đồng/người/ngày. b) Tiền thuê phòng nghỉ, đi lại Thực hiện theo quy định tại thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang. 2. Chi chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên - Chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP tham gia giải thi đấu các giải thể thao thực hiện theo Nghị định 349/2025/NĐ-CP. - Chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên cấp xã, cơ quan khác có liên quan <i>(không thuộc đối tượng áp dụng chế độ dinh dưỡng theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP)</i> tham gia thi đấu các giải thể thao thực hiện như sau: 120.000 đồng/người/ngày trong thời gian tập trung tập	Kế thừa Nghị quyết 39/2022/NQ-HĐND quy định: Mức chi đối với các giải thể thao trong nước. Đồng thời nâng mức của cấp xã thay cấp huyện. Rà soát lại theo Thông tư 117/2025 của Bộ Tài chính và xác định mức hỗ trợ khoảng 80% khung chi, nhằm vừa kế thừa chính sách cũ, vừa cập nhật quy định mới và phù hợp khả năng ngân sách của tỉnh.
--	--	--

huấn và 200.000 đồng/người/ngày trong thời gian tập trung thi đấu.

2. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a) Đối tượng và mức chi:

Đơn vị tính: Đồng/người

TT	Đối tượng	Mức chi cấp tỉnh	Mức chi cấp xã
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	190.000/ngày	150.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	160.000/ngày	130.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	190.000/buổi	150.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	135.000/buổi	110.000/buổi

	5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	80.000/buổi	65.000/buổi
	6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ		
	a	Người tập		
	-	Tập luyện	65.000/buổi	50.000/buổi
	-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	95.000/buổi	75.000/buổi
	-	Chính thức	150.000/buổi	120.000/buổi
	b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	135.000/buổi	110.000/buổi
	7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal tại Đại hội thể thao, giải bóng đá các lứa tuổi		
	a	Giải bóng đá nam, nữ		

-	Trọng tài chính	320.000/buổi	250.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000/buổi	175.000/buổi
-	Điều phối viên	160.000/buổi	130.000/buổi
b	Giải futsal nam, nữ		
-	Trọng tài chính	220.000/buổi	175.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi	130.000/buổi
-	Điều phối viên	120.000/buổi	100.000/buổi

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Thời gian chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế theo hướng dẫn, điều lệ của Ban tổ chức giải.

d) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

3. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc, theo

	hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu: a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ; b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, họp báo, hội nghị, hội thảo, tập huấn trọng tài; c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải; d) Chi làm huy chương, cờ, cúp; d) Chi in vé, giấy mời; e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu; g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật); h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.	
	Điều 12. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì sẽ áp dụng theo các quy định mức chi tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu và Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.	
	Điều 13. Kinh phí thực hiện 1. Ngân sách tỉnh chi chế độ ưu đãi tại khoản 1 và	

	khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này. 2. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo chế độ hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. 3. Khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để bổ sung hỗ trợ, khuyến khích huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và đảm bảo tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.	
	Điều 14. Tổ chức thực hiện 1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	
	Điều 16. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 8 năm 2026. 2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau: a) Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 07/10/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành chính sách ưu đãi đối với vận động viên thể thao đạt thành tích cao tỉnh An Giang; b) Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định	

	chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang; c) Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang; d) Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	
--	--	--